

NGHỊ QUYẾT

**Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường
cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ khoản 2 Điều 1, Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm
2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Cà Mau dự thảo Nghị quyết về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo
vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra);
Báo cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của
ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách địa phương chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Chương II

PHÂN ĐỊNH CỤ THỂ CÁC NHIỆM VỤ CHI VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHỖ CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

Mục 1

CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 3. Các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
 - a) Các hoạt động quy định tại điểm a và điểm b khoản 1; điểm c và điểm d khoản 3; khoản 4; các điểm a, d, đ, e và g khoản 5; điểm a khoản 7, điểm a khoản 8; các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 9 Điều 152, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;
 - b) Các hoạt động điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công);
 - c) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (trừ các hoạt động: lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, Quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học);
 - d) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường).
2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi các hoạt động kinh tế

Quản lý các khu bảo tồn (Vườn quốc gia, khu sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên khác), cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh.
3. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo
 - a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về đa dạng sinh học;
 - b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

5. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 4. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

1. Các hoạt động quy định tại điểm c và điểm d khoản 1; điểm a và điểm b khoản 3; điểm b và điểm h khoản 5; điểm l khoản 9, Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh (theo dự án đầu tư);

b) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh (theo dự án đầu tư).

3. Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư).

Mục 2

CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 5. Các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

a) Các hoạt động quy định tại điểm a và điểm b khoản 1; điểm c khoản 3; khoản 4; điểm a khoản 7; các điểm d, đ, e, g, h và i khoản 9 Điều 152, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, thuộc trách nhiệm của cấp huyện hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn cấp huyện (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công);

c) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trên địa bàn cấp huyện;

d) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp huyện;

đ) Tổ chức thu thập thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn cấp huyện.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện;

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp huyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 6. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

1. Các hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại điểm c và điểm d khoản 1, điểm a khoản 3, điểm b khoản 5 Điều 152, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, thuộc trách nhiệm của cấp huyện hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp huyện (theo dự án đầu tư);

b) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp huyện (theo dự án đầu tư).

Mục 3

CÁC NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 7. Các nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

a) Điều tra, thống kê, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cấp xã;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn cấp xã;

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc do cấp xã quản lý;

d) Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường;

e) Truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng;

g) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường cấp cơ sở;

h) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng báo cáo về môi trường; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã;

i) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã;

k) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn cấp xã;

l) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã;

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo cấp xã, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 8. Các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường

1. Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải do cấp xã quản lý.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã (theo dự án đầu tư);

b) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt kênh, rạch trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã (theo dự án đầu tư).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 11. Điều khoản chuyên tiếp

Đối với các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Hải